

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2018/QĐ-UBND

An Giang, ngày 30 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Xác định chiều sâu vành đai biên giới và xác lập vùng cấm
trong khu vực biên giới tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc xác định chiều sâu vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 1002/TTr-SNgV ngày 08 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này xác định về chiều sâu vành đai biên giới, vị trí cấm biển báo vành đai biên giới và xác lập vùng cấm, vị trí cấm biển báo vùng cấm trong khu vực biên giới tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và người nước ngoài hoạt động ở khu vực vành đai biên giới và vùng cấm trong khu vực biên giới tỉnh An Giang.

Điều 2. Xác định chiều sâu vịnh đại biên giới và vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới

Xác định phạm vi vịnh đại biên giới tỉnh An Giang là phần lãnh thổ từ đường biên giới quốc gia Việt Nam - Campuchia trở vào, chỗ hẹp nhất cách đường biên giới là 106m (bến đò Chằm Bình Di thuộc xã Khánh Bình, huyện An Phú), chỗ rộng nhất cách đường biên giới là 955m (đường nước Ông Sáu Bé thuộc xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn). Có 97 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới, khoảng cách trung bình giữa các biển báo khoảng 1.000m. Cụ thể:

1. Xác định chiều sâu vịnh đại biên giới và vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới thuộc thị xã Tân Châu

a) Vịnh đại biên giới thuộc xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu có giới hạn chiều sâu từ 255m đến 520m tính từ đường biên giới trở vào. Có 03 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới.

b) Vịnh đại biên giới thuộc xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu có giới hạn chiều sâu từ 645m đến 850m tính từ đường biên giới trở vào. Có 04 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới.

2. Xác định chiều sâu vịnh đại biên giới và vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới thuộc huyện An Phú

a) Vịnh đại biên giới thuộc xã Phú Hữu, huyện An Phú có giới hạn chiều sâu từ 360m đến 830m tính từ đường biên giới trở vào. Có 03 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới.

b) Vịnh đại biên giới thuộc xã Quốc Thái, huyện An Phú có giới hạn chiều sâu là 500m tính từ đường biên giới trở vào. Có 01 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới.

c) Vịnh đại biên giới thuộc xã Khánh An, huyện An Phú có giới hạn chiều sâu từ 146m đến 520m tính từ đường biên giới trở vào. Có 06 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới.

d) Vịnh đại biên giới thuộc thị trấn Long Bình, huyện An Phú có giới hạn chiều sâu từ 125m đến 400m tính từ đường biên giới trở vào. Có 03 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới.

đ) Vịnh đại biên giới thuộc xã Khánh Bình, huyện An Phú có giới hạn chiều sâu từ 106m đến 319m tính từ đường biên giới trở vào. Có 04 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới.

e) Vịnh đại biên giới thuộc xã Nhơn Hội, huyện An Phú có giới hạn chiều sâu từ 120m đến 800m tính từ đường biên giới trở vào. Có 06 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới.

g) Vịnh đại biên giới thuộc xã Phú Hội, huyện An Phú có giới hạn chiều sâu từ 400m đến 900m tính từ đường biên giới trở vào. Có 10 vị trí cấm biển báo vịnh đại biên giới.

h) Vành đai biên giới thuộc xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú có giới hạn chiều sâu từ 232m đến 900m tính từ đường biên giới trở vào. Có 07 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới.

3. Xác định chiều sâu vành đai biên giới và vị trí cấm biển báo vành đai biên giới thuộc thành phố Châu Đốc

a) Vành đai biên giới thuộc phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc có giới hạn chiều sâu từ 506m đến 950m tính từ đường biên giới trở vào. Có 08 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới.

b) Vành đai biên giới thuộc xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc có giới hạn chiều sâu từ 860m đến 950m tính từ đường biên giới trở vào. Có 07 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới.

4. Xác định chiều sâu vành đai biên giới và vị trí cấm biển báo vành đai biên giới thuộc huyện Tịnh Biên

a) Vành đai biên giới thuộc xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên có giới hạn chiều sâu là 850m tính từ đường biên giới trở vào. Có 03 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới.

b) Vành đai biên giới thuộc xã An Phú, huyện Tịnh Biên có giới hạn chiều sâu từ 850m đến 940m tính từ đường biên giới trở vào. Có 06 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới.

c) Vành đai biên giới thuộc thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên có giới hạn chiều sâu là 850m tính từ đường biên giới trở vào. Có 06 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới.

d) Vành đai biên giới thuộc xã An Nông, huyện Tịnh Biên có giới hạn chiều sâu là 850m tính từ đường biên giới trở vào. Có 05 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới.

5. Xác định chiều sâu vành đai biên giới và vị trí cấm biển báo vành đai biên giới thuộc huyện Tri Tôn

a) Vành đai biên giới thuộc xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn có giới hạn chiều sâu từ 800m đến 955m tính từ đường biên giới trở vào. Có 08 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới.

b) Vành đai biên giới thuộc xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn có giới hạn chiều sâu từ 625m đến 925m tính từ đường biên giới trở vào. Có 07 vị trí cấm biển báo vành đai biên giới.

(Đính kèm Phụ lục số 01)

Điều 3. Xác lập vùng cấm và vị trí cấm biển báo vùng cấm

Xác lập 02 vùng cấm trong khu vực biên giới tỉnh An Giang. Có 04 vị trí cấm biển báo vùng cấm. Cụ thể:

1. Đập tràn Tha La thuộc xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên

- Tọa độ trung tâm: (79226 29790) VN 2000;
- Diện tích: 32.175 m²;
- Có 02 vị trí cấm biển báo vùng cấm:
 - + 01 biển báo tại tọa độ: (78921 02478) VN 2000;
 - + 01 biển báo tại tọa độ: (78821 02338) VN 2000.

2. Đập tràn Trà Sư thuộc xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên

- Tọa độ trung tâm: (78496 28582) VN 2000;
- Diện tích: 36.300 m²;
- Có 02 vị trí cấm biển báo vùng cấm:
 - + 01 biển báo tại tọa độ: (78222 01353) VN 2000;
 - + 01 biển báo tại tọa độ: (78059 01122) VN 2000.

(Đính kèm Phụ lục số 02)

Điều 4. Quản lý hoạt động trong vành đai biên giới

Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý hoạt động đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và người nước ngoài trong vành đai biên giới theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quản lý hoạt động trong vùng cấm

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh xây dựng nội quy quản lý đối với vùng cấm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; tổ chức bảo vệ và quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về nông nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai trong vùng cấm.

Điều 6. Tổ chức cấm biển báo vành đai biên giới, vùng cấm

Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát các loại biển báo vành đai biên giới, vùng cấm theo quy định tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28/5/2015 của Bộ Quốc phòng về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ và tổ chức triển khai cấm các loại biển báo vành đai biên giới, vùng cấm.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chỉ Huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn biên giới và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vương Bình Thạnh

PHỤ LỤC SỐ 01**Xác định chiều sâu vành đai biên giới và vị trí cắm biển báo vành đai biên giới***(Kèm theo Quyết định số 25 /2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

TT	Xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố)	XÁC ĐỊNH CHIỀU SÂU VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI VÀ VỊ TRÍ CẮM BIỂN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI				GHI CHÚ
		Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ) VN 2000	Địa danh (tên gọi)	Cách biên giới	
01	Xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu	03	06097 19552	Đường bờ kè sông Tiền	255m	Thay thế
			06150 18354	Chùa Bá Sơn (Thầy Bảy)	510m	Thay thế
			06263 17783	Đường mòn ra biên giới (không tên)	520m	Thay thế
02	Xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu	04	06300 17197	Đường nước số 2	645m	Thay thế
			06322 16000	Đường cầu Phú Lộc	650m	Thay thế
			06351 14965	Đường nước Hòa Tây	750m	Thay thế
			06368 14177	Rạch Cỏ Lau	850m	Thay thế
03	Xã Phú Hữu, huyện An Phú	03	06350 13589	Giồng 7 Tạc	820m	Thay thế
			06322 12449	Mương Hang Cô	830m	Thay thế
			07124 10730	Cầu Thanh Niên	360m	Thay thế
04	Xã Quốc Thái, huyện An Phú	01	07738 10244	Lộ Cồn Liệt sỹ	500m	Thay thế
05	Xã Khánh An, huyện An Phú	06	08259 10393	Đuôi xép lộ nông thôn	520m	Thay thế
			09177 11524	Mương xép lộ nông thôn	430m	Thay thế
			09657 11906	Đường Xã đội Khánh An	506m	Thay thế
			10484 12371	Bến đò Đình thần Khánh An	321m	Thay thế
			11571 12220	Khu thương mại Khánh An	320m	Thay thế
			11259 11310	Bến đò ốc Long Bình	146m	Thay thế

06	Thị trấn Long Bình, huyện An Phú	03	10894 10143	Bến đò ấp Tân Khánh	199m	Thay thế
			10872 08602	Bến đò Vải	125m	Thay thế
			09874 08859	Đường cầu Long Bình	400m	Vị trí mới
07	Xã Khánh Bình, huyện An Phú	04	08689 08588	Ngã 4 Nhà Thờ	319m	Thay thế
			09042 08009	Mương Hội Đồng	123m	Thay thế
			08763 06423	Bến đò Chấm	106m	Thay thế
			08140 05543	Bến đò Vạt Lài	110m	Thay thế
08	Xã Nhơn Hội, huyện An Phú	06	06814 05816	Đường lên mốc 94	260m	Thay thế
			06705 05452	Mương Ba Còn	148m	Thay thế
			06381 04616	Mương Xã đội Nhơn Hội	120m	Thay thế
			04689 04079	Đình Thạnh Hòa	120m	Thay thế
			04287 03766	Rạch Sỏi Tre	800m	Thay thế
			03188 04013	Đường cộ 5 Thấy	800m	Thay thế
09	Xã Phú Hội, huyện An Phú	10	02214 04329	Mương 2 Vị (cầu 22)	850m	Thay thế
			00914 04556	Ngọn Sỏi Rừng	590m	Thay thế
			00197 05163	Kênh cầu 13	900m	Vị trí mới
			99171 05290	Đường nước ra biên giới (không tên)	476m	Thay thế
			98163 05763	Rạch Sỏi Muối	410m	Thay thế
			97330 06577	Kênh cầu số 6	800m	Vị trí mới
			96296 06619	Rạch Cần La	400m	Thay thế
			95494 06980	Mương Tám Dẽ	610m	Thay thế
			94772 07206	Rạch Thành Tượng	710m	Thay thế
			93895 07453	Cầu Kênh Ruột	820m	Thay thế
10	Xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú	07	93590 06875	Đình Long Phú	232m	Thay thế
			92500 07150	Cầu Dung Thăng	670m	Thay thế
			92510 08065	Đình Vĩnh An	900m	Thay thế
			91742 08860	Cầu Trắc Giề	770m	Thay thế
			90998 09216	Đường 10 Hiệp	540m	Thay thế
			90808 09566	Đường 4 Liềm	700m	Thay thế

			90124 10293	Cầu Ranh Làng	890m	Thay thế
11	Phường Vĩnh Nguyên, thành phố Châu Đốc	08	87919 10624	Rạch Trắc Rẻ	506m	Thay thế
			88859 10477	Mương Bà Tỳ	600m	Thay thế
			87173 10932	Đường cộ lên mốc 255	700m	Vị trí mới
			86328 11296	Mương Vàm Đình	915m	Thay thế
			85542 11433	Chốt Tam giác	920m	Thay thế
			84355 10763	Rạch Cây Gáo	950m	Thay thế
			83982 10017	Đường nước lên mốc 267	880m	Thay thế
			83339 08769	Mương Sáu Nhỏ	950m	Thay thế
12	Xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc	07	82607 07753	Rạch Miếu Ngói Nhỏ	950m	Thay thế
			82332 07332	Rạch Sẻ Rừng	950m	Thay thế
			81984 06737	Rạch Cây Sao	950m	Thay thế
			81477 05780	Rạch Miếu Ngói Lớn	950m	Thay thế
			80789 04498	Đường chốt dân quân	860m	Thay thế
			80095 03477	Mương 5 Lùn	950m	Thay thế
			79560 02591	Rạch Công Cộc	950m	Thay thế
13	Xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên	03	79157 01749	Kênh Rừng Tràm	850m	Thay thế
			78366 00388	Đường nước Ứt Hanh	850m	Thay thế
			77515 99002	Rạch Lâm Vô	850m	Thay thế
14	Xã An Phú, huyện Tịnh Biên	06	77011 98299	Đường nước 7 Tầng	900m	Thay thế
			76430 97471	Đường nước 9 Dồi	940m	Thay thế
			75962 96396	Đường nước 8 Tính	880m	Thay thế
			75560 95739	Đường nước 2 Giàu	850m	Thay thế
			74769 94836	Đường Trường Cá	850m	Thay thế
			74135 94495	Cổng Thầy Chín	850m	Thay thế
15	Thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên	06	73653 94026	Cổng Ông Càn	850m	Thay thế
			73092 93589	Cổng Tư Mèo	850m	Thay thế
			72787 93314	Rạch Cây Dương	850m	Thay thế
			71769 92802	Mương Chùa (ấp Xuân Hòa)	850m	Thay thế

			71179 92540	Mường Năm Di	850m	Thay thế
			70371 92132	Mường 3 Danh	850m	Thay thế
16	Xã An Nông, huyện Tĩnh Biên	05	69304 91675	Đường nước 5 Thành	850m	Thay thế
			68482 91190	Đường Sứ	850m	Thay thế
			67849 90726	Đường Ông Bộ	850m	Thay thế
			66964 90166	Đường nước 7 Đôn	850m	Thay thế
			66257 89655	Đường nước 2 Thành	850m	Thay thế
			65652 89385	Đường Ông Hậu	885m	Thay thế
17	Xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn	08	64368 87954	Đường mòn cầu T6	900m	Thay thế
			64841 88424	Đường nước Cổng 25	865m	Thay thế
			63740 87190	Đường nước 6 Sặc	800m	Thay thế
			63203 86464	Đường Sương Cá	800m	Thay thế
			62513 85391	Đường nương Rõ Rẽ	800m	Thay thế
			62221 84739	Đường nước Út Trầu	900m	Thay thế
			62079 83656	Đường nước Sáu Bé	955m	Thay thế
			62258 82762	Mường Võ Văn Út	785m	Thay thế
18	Xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn	07	62226 81695	Đường nước 6 Ứng	800m	Thay thế
			62391 80061	Mường Xã đội Vĩnh Gia	625m	Thay thế
			62140 79252	Đường mòn ra biên giới (không tên)	860m	Thay thế
			62219 77950	Đường mòn ra biên giới (không tên)	800m	Thay thế
			62217 76948	Đường Chùa Linh Tự	760m	Thay thế
			62075 75616	Đường nương lên mốc 287	925m	Thay thế
	TỔNG CỘNG	97				

PHỤ LỤC SỐ 02**Xác lập vùng cấm và vị trí cấm biển báo vùng cấm***(Kèm theo Quyết định số 25 /2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

TT	TÊN VÙNG CẤM	Xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố)	Tọa độ trung tâm VN 2000	Diện tích	Vị trí (tọa độ) cấm biển báo VN 2000	Số lượng biển báo	GHI CHÚ
01	Đập tràn Tha La	Xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên	79226 29790	32.175 m ²	78921 02478	02	Thay thế
					78821 02338		
02	Đập tràn Trà Sư	Xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên	78496 28582	36.300 m ²	78222 01353	02	Thay thế
					78059 01122		